

Họ và tên tác giả: Lê Thị Mai Học vị: Tiến sĩ
Đơn vị công tác: Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Số điện thoại: 0934744677 Địa chỉ email: lactammai@gmail.com

THAY ĐỔI ĐỊA DANH Ở DINH QUẢNG NAM VÀ CÁC TRẤN

QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN TRONG *MINH MẠNG TẤU NGHỊ*

Tóm tắt

Minh Mạng tấu nghị (明命奏議) hiện được lưu giữ tại viện Nghiên cứu Hán Nôm, là một văn bản Hán Nôm chép tay, chép lại các bài dụ, biểu, tấu soạn dưới thời Minh Mạng (1820 - 1840). Đó là một sử liệu phản ánh cụ thể nhiều phương diện từ kinh tế, chính trị, văn hóa đến quân sự, đối ngoại của nước ta dưới thời Minh Mạng, trong đó có vấn đề thay đổi địa danh. Nằm trong tập sử liệu này, bản tấu về việc thay đổi địa danh cũ trên phạm vi cả nước có “âm Nôm và mặt chữ không nhẽ” thành các “tên đẹp” (gia danh) do bộ Hộ soạn, được hoàng đế chuẩn y thi hành vào tháng 2 năm Minh Mạng thứ 5 (1824), đánh dấu một bước chuyển căn bản trong hệ thống địa danh của nhiều vùng đất, trong đó có các tỉnh miền Trung - vùng đất từ đèo Hải Vân đến đèo Cả (bao gồm địa phận thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ngày nay). Đây là một sử liệu thành văn quan trọng, góp phần bổ khuyết cho việc nghiên cứu địa danh trên cả nước nói chung và các tỉnh miền Trung nói riêng. Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu văn bản, trích dịch, khảo sát bước đầu gần 150 địa danh được đổi của các dinh Quảng Nam và các trấn Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và phân tích đặc điểm thay đổi địa danh cũng như giá trị của bản tấu.

Từ khóa: Minh Mạng tấu nghị; địa danh; miền Trung; Quảng Nam

Nội dung

1. Về bản tấu thay đổi địa danh của bộ Hộ trong Minh Mạng tấu nghị

Minh Mạng tấu nghị hiện được lưu giữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, là một văn bản Hán Nôm chép tay, chép lại 603 bài dụ, biểu, tấu soạn dưới thời Minh Mạng (1820 - 1840) dài 2346 trang, khổ 28 x 18, gồm 9 tập. Đó là nguồn sử liệu quan trọng phục vụ việc nghiên cứu các phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của triều Nguyễn dưới triều vua Minh Mạng như cấm thuốc phiện, cấm đạo Gia Tô, trừng trị bọn cường hào trộm cướp, đúc súng đạn, mở mang việc học, mở mang khoa thi, sưu tầm văn thơ, bi, ký, đúc tiền đồng, khẩn hoang, khuyến khích nông tang...¹ Ngoài những phương diện này, lần đọc trong *Minh Mạng tấu nghị*, chúng tôi đã gặp một bản

¹ *Minh Mệnh tấu nghị*, Bản chép tay lưu trữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, ký hiệu VHV.96/1-9. Dẫn theo lời giới thiệu sử liệu này của thư viện.

tấu về việc thay đổi địa danh làng xã của các trấn, dinh, phủ trong phạm vi cả nước vào năm Minh Mạng thứ 5 (1824), gồm 51 trang, được chép lại trong tập 1.

Về lý do thay đổi các địa danh và thời gian ra đời bản tấu, phần mở đầu bản tấu đề thời gian vào ngày Mùng 5 tháng 2 năm Minh Mạng thứ 5 (1824), nội dung đại thể cho biết hoàng đế đã soi xét, quan Hứa Đức Đệ phụng chỉ chuẩn y bản tấu nghị do các quan của bộ Hộ đem những chỗ cần cải chính trong tên hiệu của các xã thôn trình lên. Bộ Hộ xem tên hiệu của các phường, thôn, xã, tổng thuộc các trấn, dinh, thành, xét thấy “trong tên gọi cũ còn có xen âm Nôm và chữ không được đẹp”² (“cựu xưng danh tự gian hữu quốc âm tịnh bất nhĩ đẳng tự”), đã trích ra bàn thảo, đệ xin cải chính danh hiệu; nay được trên y chuẩn nên sao chép các tên được đổi, gửi về các địa phương vâng theo bản tấu nghị này *phải đổi dùng các tên đẹp đặng mãi mãi lưu truyền* (“dụng hoán gia danh, dĩ thù vĩnh cửu”) ³. Và ở trang cuối của bản tấu cho thấy các tên làng xã cũ sẽ đổi dùng tên mới từ sau ngày 26 tháng 2 năm Minh Mạng thứ 5 (1824)⁴. Như vậy, từ ý chỉ của nhà vua, bộ Hộ bàn thảo và tấu lên các địa danh được đổi, đến việc vua phê chuẩn thi hành thay đổi trong bản tấu diễn ra trong gần một tháng (tháng 2 năm 1824).

Sự kiện thay đổi địa danh (phần lớn là tên làng) trên cả nước như bản tấu trình bày trên đây đã được chính sử của triều Nguyễn chép lại. *Đại Nam thực lục*, chính biên, đệ nhị kỷ - quyển XXV, thực lục về Thánh tổ Nhân Hoàng đế, Giáp Thân, năm Minh Mạng thứ 5 (1824), mùa xuân, tháng 2 có chép: “*Lại sai bộ Hộ xét danh hiệu các tổng xã thôn phường ở các địa phương, những tên nôm và mặt chữ không nhĩ, thì bàn định đổi đi*”⁵. Đối chiếu với thời gian trình duyệt, phê chuẩn trong văn bản như trên là hoàn toàn chính xác. Điều này giúp khẳng định tính xác thực của văn bản cũng như thời gian ra đời, lý do có bản tấu của bộ Hộ trong tập sử liệu *Minh Mạng tấu nghị*⁶.

² Đây là ý dịch của nhóm tác giả sách *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*. Nhóm dịch giả Viện Sử học trong *Đại Nam thực lục* dịch là “những tên nôm và mặt chữ không nhĩ”.

³ Nguyên văn: 明命五年貳月初五日題，本月日臣許德第奉旨准依議。欽此！

戶部臣等謹奏為奉將諸社村名號議定改正之處，恭摺奏聞仰祈聖鑒事。竊照諸城營鎮之總社村坊，旧稱名字，间有國音并不雅等字，臣等奏奉行摘出議定改正名號，疏陳于後。如蒙愈允，臣等遵即錄送各該地方遵奉，用換嘉名，以垂永久。謹奏

⁴ Nguyên văn: 明命五年貳月貳拾五日題，本月貳拾陸日臣許德第奉旨除此(?)。硃批遵辦外，餘依議改正。欽此。

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên, đệ nhị kỷ - quyển xxv, thực lục về thánh tổ nhân hoàng đế, Tô Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.332.

⁶ Trong phần trích dịch của sách *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)* ghi: “Ngày 15 tháng 2 năm Minh Mạng thứ 2 đề. Ngày 16 cũng tháng đó bề tôi là Hứa Đức dâng” là không chính xác [Duong Thị The, Phạm Thị Thoa (dịch và biên soạn), *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012, tr.606. Xin sửa lại cho chính xác là: “Ngày 25 tháng 2 năm Minh Mạng thứ 5 đề. Ngày 26 cũng tháng đó bề tôi là Hứa Đức Đệ dâng”. Hứa Đức Đệ là viên quan của Văn thư phòng (cơ quan “coi giữ đồ thượng bảo và văn thư, chương tấu, đô bản, sổ sách”) mới được đặt ra vào đầu năm Minh Mạng thứ nhất (1820).

Phần nội dung chính của bản tấu liệt kê cụ thể số lượng tên tổng, thuộc, xã, thôn, phường, tộc, ấp, vạn, trại, trang, trạm, đội, sách, man, động, sở, giáp... phụng nghị cải đổi từ tên cũ sang tên mới của 28 phủ, dinh, trấn như sau:

2 phủ gồm Thừa Thiên (11), Hoài Đức⁷ (33)

3 dinh gồm Quảng Nam (99), Quảng Trị (19), Quảng Bình (16)

23 trấn gồm Thanh Hoa⁸ (93), Nghệ An (72⁹), Bình Hòa¹⁰ (55), Quảng Ngãi (15) Bình Định (13), Sơn Nam (20), Phú Yên (18), Nam Định (13), Bắc Ninh (12¹¹), Sơn Tây (9), Hải Dương (8¹²), Ninh Bình (4), Định Tường (3); Biên Hòa, Hà Tiên (mỗi trấn 2 địa danh); Phiên An¹³, Vĩnh Thanh¹⁴, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Quảng Yên (mỗi trấn 1 địa danh).

Như vậy, trong tổng số 525 địa danh các tỉnh từ Ninh Bình trở ra Bắc (miền Bắc) có 105 địa danh; các tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận (miền Trung) có 312 địa danh; các tỉnh ở miền Nam có 9 địa danh được thay đổi. Riêng tỉnh Quảng Nam có 99 địa danh, chiếm khoảng 19 % tổng số địa danh được đổi (xem biểu đồ 1).

⁷ Phủ Hoài Đức được lập năm Gia Long thứ 4 (1805) thuộc Bắc Thành, gồm hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận, bao gồm phần lớn các quận nội thành Hà Nội ngày nay.

⁸ Năm 1831, trấn Thanh Hoa được đổi thành tỉnh Thanh Hoa. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) đổi thành tỉnh Thanh Hóa.

⁹ Sách *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)* khi trích dịch đã sót 1 địa danh được đổi của huyện Quỳnh Lưu (*Trại tứ chiếng Cây Giã đổi thành trại Thanh Giã*) nên chỉ có 71 địa danh [Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, sdd, tr.603].

¹⁰ Năm Gia Long thứ 7 (1808), dinh Bình Hòa được đổi thành trấn Bình Hòa. Năm 1831, trấn Bình Hòa được đổi thành tỉnh Khánh Hòa.

¹¹ Sách *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)* khi dịch đã nhầm lẫn 1 địa danh (*Xã Vương Xá đổi thành xã Nghĩa Xá* chứ không phải xã Đạo Xá) và sót 1 địa danh được đổi của huyện Siêu Loại (*Xã Vương Xá Đông đổi thành xã Đạo Xá*) nên chỉ có 11 địa danh [Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, sdd, tr.605].

¹² Sách *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)* khi dịch đã sót 1 địa danh được đổi của huyện Cẩm Giàng (*Tổng Vương Xá đổi thành tổng An Xá*) nên chỉ có 7 địa danh [Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, sdd, tr.605].

¹³ Năm Gia Long thứ nhất (1802), đổi tên phủ Gia Định làm trấn Gia Định và đặt “trấn quan” để cai quản cả ngũ trấn là: trấn Phiên An, trấn Biên Hòa, trấn Định Tường, trấn Vĩnh Long, trấn Hà Tiên. Năm 1832, vua Minh Mạng cho đổi thành Gia Định - nơi trú đóng của Tổng trấn - làm tỉnh thành Phiên An - nơi trị sở của Tổng đốc coi riêng Phiên An. Năm 1836, đổi tỉnh Phiên An ra tỉnh Gia Định.

¹⁴ Năm 1808, Gia Long đổi Gia Định Trấn thành Gia Định Thành, dinh Vĩnh Trấn được đổi thành trấn Vĩnh Thanh. Đến năm 1832, trấn Vĩnh Thanh đổi tên là trấn Vĩnh Long. Sau đó, vua Minh Mạng cho đổi các trấn thành tỉnh. Vùng đất Nam Bộ được chia thành sáu tỉnh, gọi là Nam Kỳ lục tỉnh gồm: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Việc thay đổi được chép theo hình thức: Đầu tiên đề tên phủ, dinh hoặc trấn; đến các đơn vị cấp huyện, thuộc trực thuộc phía dưới; tiếp theo liệt kê tiếp theo liệt kê lần lượt các địa danh (xã, thôn, ấp, phường, trại, vạn,...) được thay đổi của chúng.

Ví dụ: *Trấn Phú Yên* 富安鎮

Huyện Đồng Xuân 同春縣

Xã Sơn Cước Đá Bạc đổi thành xã Cẩm Thạch 山脚砣泊社奉議改爲錦石社

Xã Đồng Bạc đổi thành xã Ngân Điền 全泊社奉議改爲銀田社

Như vậy, số lượng địa danh làng xã được đổi trong lần này là 525 địa danh, phân bố trên phạm vi cả nước. Trong đó, vùng đất nằm sát kinh thành Huế về phía nam - dinh Quảng Nam (địa bàn bao gồm thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam nay) là địa phương có số địa danh được đổi nhiều nhất. Và một điều dễ nhận thấy là, so với hai đầu đất nước, thì số lượng địa danh được đổi ở dải đất miền Trung từ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An đến tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa hiện nay đã chiếm gần 80%.

Vì bản tấu là sử liệu thành văn quan trọng cho các nghiên cứu về địa danh học, từ nguyên học nước ta nói chung và miền Trung nói riêng nên cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu, bài viết hoặc trích dịch các địa danh được đổi của các tỉnh từ Nghệ An trở ra¹⁵, hoặc so sánh với các tư liệu Hán Nôm khác để nghiên cứu địa danh xứ Kinh Bắc¹⁶, hoặc trích dịch, giới thiệu và có những nhận xét bước đầu về trường hợp đổi tên làng ở dinh Quảng Nam¹⁷. Tuy vậy, hiện chưa có công trình nào giới thiệu và khảo sát một cách hệ thống, cụ thể bản tấu này. Sau đây, chúng tôi xin trích dịch, bước đầu khảo sát các địa danh được thay đổi của dinh Quảng Nam, trấn Quảng Ngãi, trấn Bình Định, trấn Phú Yên (địa bàn gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên nay, xin gọi tắt là vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú).

2. Các địa danh được đổi ở vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú trong bản tấu

2.1. Tên làng được đổi ở dinh Quảng Nam (99 địa danh)

Huyện Duy Xuyên

*Xã Ba Chinh đổi thành xã Hữu Trinh*¹⁸

*Xã Hói Lâm (?) đổi thành xã Cam Lâm*¹⁹

¹⁵ Dương Thị The, Phạm Thị Thoa (dịch và biên soạn), *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2012, tr.600-606.

¹⁶ Trần Kế Hoa, “Bàn thêm về sự thay đổi của tên làng xã Kinh Bắc triều Nguyễn qua tư liệu Hán Nôm”, tham luận tham gia Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 5, Hà Nội, tháng 12.2016.

¹⁷ Lê Thị Mai, “Lần thay đổi địa danh làng xã năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) - Trường hợp dinh Quảng Nam”, *Tạp chí Khoa học - Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, số 3 (112).2017, tr.61-65.

¹⁸ Nay thuộc thôn Hòa Hữu Đông, Hòa Hữu Tây, xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Ở thôn Hòa Hữu Đông nay có xứ đất là Ba Chinh xứ.

Xã Ô Kha (?) đổi thành xã Tân Mỹ²⁰

Xã Tứ chiếng Đá Ngang đổi thành xã Thạch Bích²¹

Hai xã Đồng Kỳ Đông Tây (?) đổi thành hai xã Ngô Cang Đông Tây²²

Thôn Hàm Rồng đổi thành thôn Long Châu²³

Thôn Cây Lim (?) đổi thành thôn An Lâm²⁴

Xã Làng Rau/Trầu (?) đổi thành xã Hoa Xá²⁵

Xã Non Đôn (?) đổi thành xã Sơn Dương

Thôn Tứ chiếng Bàu Nhon (?) đổi thành thôn Nhon Trạch²⁶

Xã Bàu Thạch (?) đổi thành xã Thạch Khê²⁷

Huyện Lễ Dương

Thôn Đồng Tranh xã La Nga đổi thành thôn La Phong²⁸

Thôn Ngọn Rau/Trầu (?) đổi thành thôn Hương Phố²⁹

Thôn Phụ Đồng Tràm đổi thành thôn Thanh Lam

Thôn Đồng Thê đổi thành thôn Đồng Thê³⁰

Xã Bà Cắt đổi thành xã Tài Thành³¹

Phường Nà Giồng (?) đổi thành phường Na Sơn³²

Xã Bà Ty đổi thành xã Ty Cần

Xã Bàu An đổi thành xã An Trạch

Xã Cây Sơn đổi thành xã Tất Viên³³

Xã Bà Ty Chánh đổi thành xã Tư Chánh³⁴

Thôn Cây Mút đổi thành thôn La Mật³⁵

Thôn Bàu Đĩa (?) đổi thành xã thôn Bào Dư/ Dư (?)

Thôn Tiên Đóa Bến Ngói đổi thành thôn Tiên Châu³⁶

¹⁹ Nay thuộc xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

²⁰ Nay thuộc xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

²¹ Nay là thôn Thạch Bích, xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

²² Xã Ngô Cang Đông nay là thôn Cang Đông, xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Xã Ngô Cang Tây nay là thôn Cang Tây, thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

²³ Nay là xóm Long Châu, thôn Kiệt Châu, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

²⁴ Nay thuộc thôn Lê An, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

²⁵ Nay thuộc xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

²⁶ Nay có thể là thôn Cẩm Tú, xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức hoặc thuộc xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

²⁷ Đây là thôn Thạch Khê, xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

²⁸ Nay thuộc xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

²⁹ Nay là thôn Hương Phố, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

³⁰ Nay thuộc khối phố Đồng Thái, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

³¹ Nay là thôn Tài Thành, xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

³² Nay là thôn Na Sơn, xã Thăng Phước, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

³³ Nay là thôn Tất Viên, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

³⁴ Nay là thôn Tư Chánh, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

³⁵ Nay thuộc xã Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

³⁶ Thôn Tiên Đóa (Tiên Đĩa) và làng Tiên Châu nay đều thuộc xã Bình Sa, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Thôn Bến Ngói đổi thành thôn Tiên Khê
Thôn Đồng Trị (?) đổi thành thôn Đồng Trì³⁷
Xã Ông Vời đổi thành xã Du Nghĩa³⁸
Xã Bến Đá đổi thành xã An Thạch³⁹
Thôn Tấm Bãi đổi thành thôn Dục Thúy⁴⁰
Tộc Phụ Xuân An Giáo Phái Tây đổi thành tộc An Giáo⁴¹
Thôn Suối Rì (?) đổi thành thôn Mỹ Tuyên
Áp Tứ chiếng Bàu Ấu đổi thành áp Phương Trì⁴²

Thuộc Hà Bạc

Vạn Nội Rang đổi thành phường Nhơn Chung⁴³
Xã Cây Sung đổi thành xã Tiên Quả⁴⁴
Xã Bến Cỏ đổi thành xã Phương Tân⁴⁵
Thôn Bãi Nghêu (?) đổi thành thôn Ngao Tân⁴⁶
Phường Tứ chiếng Vịnh Lâm (?) đổi thành phường Vịnh Giang⁴⁷

Thuộc Hoa Châu

Châu Ô Kha Trung đổi thành châu Phụng Minh⁴⁸
Thôn Thượng châu Bà Mã đổi thành thôn Mã Châu Thượng⁴⁹
Thôn Cù La đổi thành thôn Cù Bàn⁵⁰
Châu Bàu Bàng Đông đổi thành châu Phương Trạch Đông⁵¹
Thôn Bàu Lạt châu Thi Lai đổi thành thôn Thi Lai⁵²
Thôn Đông Hoa châu Bà Mã đổi thành thôn Mã Châu Đông Hoa
Châu Hà Dừa đổi thành châu Hà Nhuận⁵³

³⁷ Nay là thôn Đồng Trị, xã Bình Hải, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

³⁸ Nay là thôn Nghĩa Hòa, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

³⁹ Nay thuộc xã Bình Sa, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam nay.

⁴⁰ Nay thuộc xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

⁴¹ Nay là thôn Bình Khương, xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

⁴² Nay là thôn Thuận Trì, xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

⁴³ Nay là thôn Hội Sơn, xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

⁴⁴ Nay thuộc xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁴⁵ Nay là thôn Phương Tân, Vịnh Giang, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

⁴⁶ Nay thuộc xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁴⁷ Nay là thôn Vịnh Giang, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

⁴⁸ Nay ở xã Đại Phong, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁴⁹ 4 thôn của châu Bà Mã gồm Thôn Thượng, Thôn Tây, Thôn Đông Hoa, Thôn Đông Viên) được đổi tên thành 4 thôn của làng Mã Châu tương ứng gồm các thôn Mã Châu Thượng, Mã Châu Tây, Mã Châu Đông Hoa (sau đó vì tị húy thời vua Thiệu Trị nên đổi lại là Mã Châu Thành), Mã Châu Đông nay là khối phố Châu Hiệp, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

⁵⁰ Nay là thôn Cù Bàn, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

⁵¹ Nay là thôn Phương Trung, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁵² Nay là thôn Thi Lai, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

⁵³ Nay là thôn Hà Nhuận, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Thôn Tây châu Bà Mã đổi thành thôn Mã Châu Tây
Thôn Đông Viên châu Bà Mã đổi thành thôn Mã Châu Đông
*Châu Phụ lũy Bà Cảnh đổi thành châu Nhơn Cảnh*⁵⁴
*Thôn Bãi Ô Đông đổi thành thôn Phụng Châu Đông*⁵⁵
Thôn Bãi Ô Tây đổi thành thôn Phụng Châu Tây
*Châu Bàu Toán đổi thành châu Hạc Toán*⁵⁶

Thuộc Hội Sơn Nguyên

Thôn Tứ chiếng Cây Mít đổi thành thôn Hương Sào
*Thôn Bàu Đơn đổi thành thôn Thanh Đơn*⁵⁷
*Phường Cờ Vĩ (?) đổi thành phường Vân Kỳ*⁵⁸

Thuộc Liêm Hộ (Châu phê đổi thành Kim Hộ)⁵⁹

*Xã Sông Tiên đổi thành xã Tiên Giang*⁶⁰
*Phường Cà Dong (?) đổi thành Mậu Cà*⁶¹
*Thôn Tre Hoa đổi thành thôn Hoa Trúc*⁶²
*Thôn Cửa An đổi thành thôn An Xá*⁶³
Xã Bà Hương đổi thành xã Hương Xá
Thôn Kha Sài/Thầy (?) đổi thành thôn Tử Dương
*Thôn Cây Sấu đổi thành thôn Thụ Đức*⁶⁴
Xã Cây Cách đổi thành xã Lai Cách
*Áp Tứ chiếng Ma Ninh đổi thành áp Vĩnh Ninh*⁶⁵
*Thôn Nha Nảo phụ Lộc Tài đổi thành thôn Phụ Tài*⁶⁶

⁵⁴ Đổi chiếu với *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Dinh Quảng Nam* có tên Bà Bồi phụ lũy châu thuộc Thuộc Hoa Châu, Huyện Duy Xuyên; *Đông Khánh địa dư chí* có tên châu Nhơn Bồi thuộc tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên mà không có địa danh châu Nhơn Cảnh; thực tế có xứ đất Bà Bồi, địa danh Nhơn Bồi ở xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam nay và tự dạng khá gần dễ dẫn đến nhầm lẫn lúc chép tay giữa chữ Cảnh (境) và chữ Bồi (培), chúng tôi cho rằng chỗ này là *Châu Phụ lũy Bà Bồi đổi thành châu Nhơn Bồi*.

⁵⁵ Hai thôn Bãi Ô Đông, Bãi Ô Tây đổi thành thôn Phụng Châu Đông, Phụng Châu Tây, nay thuộc thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

⁵⁶ Nay thuộc khối phố Mỹ Hạt, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

⁵⁷ Nay thuộc xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁵⁸ Nay thuộc huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

⁵⁹ Xét sách *Phủ biên tạp lục* và nhiều tư liệu Hán Nôm khác đều ghi thuộc Kim Hộ (đơn vị hành chính “thuộc” mới được lập ở xứ Đàng Trong, gồm các hộ dân chuyên nghề khai thác vàng); nhưng sách *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Dinh Quảng Nam* lại ghi là thuộc Liêm Hộ ở các huyện. Có ý kiến cho rằng do ty hús cha của Tiên chúa Nguyễn Hoàng nên đổi nhưng không rõ từ “Kim Hộ” đổi thành “Liêm Hộ” khi nào. Chi biết trong bản tấu này, châu phê lại đổi thuộc Liêm Hộ thành thuộc Kim Hộ.

⁶⁰ Nay thuộc huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

⁶¹ Nay là thôn Mậu Cà, thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

⁶² Thôn Hoa Trúc (sau đổi thành thôn Thanh Trúc) và xã Hương Xá có thể thuộc xã Trà Đông, Trà Dương, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nay.

⁶³ Nay thuộc huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

⁶⁴ Nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

⁶⁵ Nay là thôn Vĩnh Ninh, xã Tam Thành, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

⁶⁶ Nay thuộc xã Tam Mỹ Tây, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Áp Hoàn Độ quán Tứ chiếng Bến Ván đổi thành áp An Tân⁶⁷
Áp Tứ chiếng Ông Bối đổi thành áp Phái Nhơn⁶⁸
Thôn Trạm Tải (?) xã Đức Hòa đổi thành thôn Phụng Điều xã Đức Hòa
Thôn Cây Vông/Bông Thượng (?) đổi thành thôn Bông Miêu⁶⁹
Tộc Cây Sung đổi thành tộc Sung Mỹ⁷⁰
Xã Đá Bạc đổi thành xã Mỹ Thạch⁷¹
Xã Cây Duối đổi thành xã Kim Đới⁷²
Áp Tứ chiếng Đồng Tràm đổi thành áp Lam Điền⁷³
Thôn Cây Vông/Bông Hạ (?) đổi thành thôn Đức Bông⁷⁴
Thôn A Vó đổi thành thôn Đức Bó⁷⁵

Huyện Diên Phước

Xã Sông Giang đổi thành xã Trừng Giang⁷⁶
Phường Bàu Rô/ Lư/ Lô đổi thành phường Hoa Lô/ Lư
Xã Bàu Nạy đổi thành xã Hoa Tú⁷⁷
Giáp Tứ chiếng Chanh Nậu đổi thành xã Cư Chánh
Xã Hà Tôm đổi thành xã Hà My⁷⁸
Xã Nội phủ Chợ Quán⁷⁹ đổi thành xã An Quán⁸⁰

Huyện Phú Châu

Châu Vĩnh Bãi (?) đổi thành châu Vĩnh Phước⁸¹
Châu Châu Sông (?) đổi thành châu Hà Trừng⁸²
Châu Bàu Cau đổi thành châu Hoa Cao

Thuộc Võng Nhi

Phường Côn Nhâm đổi thành Nhâm Phường⁸³

⁶⁷ Nay thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁶⁸ Nay là thôn Phái Nhơn, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁶⁹ Nay thuộc xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁷⁰ Nay thuộc xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁷¹ Nay các khối phố Mỹ Thạch, thuộc phường Tân Thạnh, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

⁷² Nay là thôn Kim Đới, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

⁷³ Nay thuộc xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁷⁴ Nay thuộc xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁷⁵ Nay là thôn Đức Bó, xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

⁷⁶ Nay thuộc thôn Hòa Giang, xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

⁷⁷ Xã Hoa Tú về sau do thị hủy nên đổi thành thôn Ba Tú/Thanh Tú, nay thuộc xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

⁷⁸ Nay là các khối phố Hà My Đông A, Hà My Đông B, Hà My Tây, Hà My Trung, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn.

⁷⁹ Theo *Phủ biên tạp lục*, đơn vị hành chính là thôn Nội phủ, xã Nội phủ... được dùng để chỉ các xã thôn có sản vật hoặc mặt hàng thủ công được phủ Chúa đánh thuế và trưng thu trực tiếp.

⁸⁰ Nay thuộc xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

⁸¹ Nay là thôn Vĩnh Phước, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁸² Nay thuộc xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁸³ Nhâm Phường, Nhâm Xã nay đều thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Xã Hà Mòi đổi thành xã Hà Quảng⁸⁴

Xã Cồn Nhâm đổi thành Nhâm Xã

Thuộc Phụ Tuyên

Sông Phú Giang đổi thành phường Phú Giang⁸⁵

Sông Đại Giang đổi thành phường Đại Giang

Huyện Hòa Vang

Ba xã Bàu Nghè Đông Tây Trung đổi thành ba xã An Nghĩa Đông Tây Trung⁸⁶

Xã Bàu Tre/ Trước đổi thành xã Trúc Bào/Trước Bàu⁸⁷

Xã Đồng Rằm (?) đổi thành xã Mậu Lâm⁸⁸

Xã Non Tiên đổi thành xã Tiên Sơn⁸⁹

Xã Hà Tre đổi thành xã Trúc Hà⁹⁰

Xã Cây Tràm đổi thành xã Lam Viên

Xã Bàu Đán đổi thành xã Hoa Đán⁹¹

Xã Bàu Đán Đông đổi thành xã Hoa Đán Đông

2.2. Tên làng được đổi ở trấn Quảng Ngãi (15 địa danh)

Huyện Bình Sơn

Xã Sâm Sông (?) đổi thành xã Sâm Giang⁹²

Huyện Chương Nghĩa

Thôn Tân lập Bàu Án đổi thành thôn Ngọc Án⁹³

Thôn phụ lũy Ngòi Tôm đổi thành thôn Hà Khê⁹⁴

Huyện Mộ Hoa

Vạn tít chiếng Tân lập Cây Thụ Phò Địa đổi thành phường Dao Trì⁹⁵

Thôn Cây Quýt vạn Phước Cựu đổi thành thôn Quýt Lâm⁹⁶

Thuộc Đồn điền

Trại Tân lập Cây Cờ thôn cựu Cây Cờ đổi thành trại Kỳ Hoa

⁸⁴ Nay là các khối phố Hà Quảng Đông, Hà Quảng Tây, Hà Quảng Gia, Hà Quảng Bắc, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn.

⁸⁵ Nay là thôn Phú Giang, xã Quế Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

⁸⁶ Nay thuộc xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.

⁸⁷ Nay là thôn Trước Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

⁸⁸ Nay thuộc xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁸⁹ Nay thuộc xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁹⁰ Nay là thôn Trúc Hà, xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

⁹¹ Xã Hoa Đán, Hoa Đán Đông về sau có thể do tị húy nên đổi tên thành làng Xuân Đán, nay thuộc phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

⁹² *Đồng Khánh địa dư chí* chép: Thôn Sâm Giang, thuộc tổng Bình Điền, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

⁹³ Nay thuộc phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

⁹⁴ *Đồng Khánh địa dư chí* chép: Thôn Hà Khê, thuộc tổng Nghĩa Hà, huyện Chương Nghĩa, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

⁹⁵ *Đồng Khánh địa dư chí* có chép: Phường Dao Trì, thuộc tổng Quy Đức, huyện Mộ Đức, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

⁹⁶ Nay là thôn Quýt Lâm, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Trại Đồng Ganh (?) đổi thành trại Đồng Cảnh
Trại Đồng Dạ (?) đổi thành trại Ngọc Dạ⁹⁷
Trại Xuân An Đèo Ái đổi thành trại Xuân Sơn⁹⁸
Thôn Cựu Đồng Gạo đổi thành thôn Mễ Sơn⁹⁹
Trại Ý Tung (?) đổi thành trại Hoa Tung
Áp Tân lập Suối Tuyền (?) đổi thành áp Châu Tuyền
Trại Tân lập Đồng Gạo đổi thành trại Mễ Sơn¹⁰⁰
Phường Cù Lao Ré đổi thành phường Lý Sơn¹⁰¹

Thuộc Hoa Châu

Châu Hội Khê (?) đổi thành châu Phù Khê¹⁰²

2.3. Tên làng được đổi ở trấn Bình Định (13 địa danh)

Huyện Bồng Sơn

Vạn Bến Mít Thủy Hành (?) đổi thành phường Thủy Hành
Áp Suối Đá đổi thành áp Thạch Tuyền
Áp Phủ Khánh phường Phủ Cũ (?) đổi thành áp Diển Khánh phường An Cựu¹⁰³

Huyện Phù Ly

Phường Cây Thị đổi thành phường Thị Lâm
Áp Đá Bàn đổi thành áp Thạch Bàn¹⁰⁴

Thuộc Thời Nông

Thôn Cây Hoa (?) Trường Lộc đổi thành thôn Thọ Lộc¹⁰⁵

Thuộc Thời Hòa

Áp Tiên Phong Súng Nhất đổi thành áp Tiên Thuận¹⁰⁶

Thuộc Thời Tú

Thôn Bàu Tròn đổi thành áp Hoa Tân
Thôn Sông Rộng đổi thành thôn Thanh Giang¹⁰⁷

Thuộc Võng Nhi

Áp Sông Thạnh phường Sông Giang đổi thành áp Xương Thạnh phường Châu Giang

⁹⁷ Nay là thôn Ngọc Dạ, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

⁹⁸ *Đồng Khánh địa dư chí* có chép: Trại Xuân Sơn, thuộc tổng Triêm Đức, huyện Mộ Đức, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

⁹⁹ *Thôn Mễ Sơn, trại Mễ Sơn* nay thuộc thôn Mễ Sơn, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁰⁰ *Đồng Khánh địa dư chí* có chép: Trại Mễ Sơn, thuộc tổng Quy Đức, huyện Mộ Đức, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

¹⁰¹ Nay thuộc huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁰² Nay là thôn 6, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁰³ Nay là thôn Diển Khánh, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

¹⁰⁴ Nay thuộc thôn Thạch Bàn Tây, Thạch Bàn Đông, xã Cát Sơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

¹⁰⁵ Nay là thôn Thọ Lộc, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

¹⁰⁶ Nay thuộc thôn Tiên Thuận, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

¹⁰⁷ Nay là thôn Thanh Giang, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Thuộc Hà Bạc

Phường Cây Hoa đổi thành phường Hoa Thọ

Áp Suối Khang (?) đổi thành áp Lễ Tuyền

Thuộc Sơn Điền

Phường Bến Cui (?) đổi thành phường Quế Tân

2.4. Tên làng được đổi ở trấn Phú Yên (18 địa danh)

Huyện Đồng Xuân

Xã Sơn Cước Đá Bạc đổi thành xã Cẩm Thạch¹⁰⁸

Xã Đồng Bạc đổi thành xã Ngân Điền¹⁰⁹

Xã Đồng Bạc Tân lập Thiết Trường đổi thành xã Thiết Trường

Xã Đồng Răm/Lâm (?) đổi thành xã Mậu Lâm¹¹⁰

Thôn Sơn Cước Kỳ Tấu Thanh Lãng Yên Hội đổi thành thôn Yên Hội¹¹¹

Xã Bạc Má đổi thành xã Ngân¹¹²

Hai áp Vạn Chài Thượng Hạ đổi thành hai áp Mỹ Tài Thượng Hạ¹¹³

Xã Suối Cau (?) đổi thành xã Hương Tuyền

Thôn Suối Quýt (?) đổi thành thôn Lệ Tuyền

Huyện Tuy Hòa

Thôn Phú Lương Bến Sứ đổi thành thôn Phú Lương¹¹⁴

Phường Sông Nhiễu đổi thành phường Nhiễu Giang¹¹⁵

Phường Sông Hương đổi thành phường Hương Giang¹¹⁶

Thôn Rui Cui (?) đổi thành thôn Tiên Sài

Thuộc Hà Bạc

Thôn Gành Bà đổi thành thôn Từ Nham¹¹⁷

¹⁰⁸ Nay là xã Cẩm Thạch, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

¹⁰⁹ Nay là thôn Ngân Điền, xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. “Ngân Điền nguyên là Đồng Bạc xã, tổng Thượng Đồng Xuân, đông và tây giáp núi đèo, nam giáp địa phận thôn Kỳ Tấu Hà Lãng (tổng Thượng huyện Tuy Hòa. Diện tích 29 mẫu 9 sào 2 thước)” [Nguyễn Đình Chúc, *Địa danh Phú Yên*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014, tr.171].

¹¹⁰ Nay là thôn Mậu Lâm Bắc và Mậu Lâm Nam, xã Hòa Quang, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

¹¹¹ Địa danh Sơn Cước Kỳ Tấu Thanh Lãng Yên Hội thôn, các nghiên cứu địa bạ tỉnh Phú Yên và địa danh Phú Yên có ghi danh xưng Kỳ Tấu Hà Lãng mà không thấy ghi Kỳ Tấu Thanh Lãng (có thể do văn bản sao chép có nhầm chữ “Hà” thành chữ “Thanh”). Nay có thể là thôn Thanh Hội (âm địa phương đọc là Thạnh Hậu), xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên [Nguyễn Đình Chúc, *sđd*, tr.41].

¹¹² Có thể do văn bản chép sót, chỗ này có thể là xã Bạc Má đổi thành xã Ngân Sơn. Nay thuộc khu phố Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

¹¹³ *Đông Khánh địa dư chí*, huyện Đồng Xuân, đạo Phú Yên chép có Áp Mỹ Tài hạ (do phủ cư thủy thượng vô hữu, do sống trên mặt nước nên không có địa phận) thuộc tổng Xuân Sơn. Không thấy chép Áp Mỹ Tài thượng.

¹¹⁴ Nay có thể là thôn Phú Lương, xã Hòa Tân Đông, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. “Phú Lương, nguyên là Phú Lương Bến Sứ thôn tổng Hòa Lạc, Trung tổng huyện Tuy Hòa. Đông giáp địa phận xã Quan Đông (Đông Mỹ, tổng Hạ), nam giáp sông, bắc giáp địa phận xã Phước Lộc có lập cột đá làm giới. Toàn diện tích sở hữu 147 mẫu 9 sào 14 thước. Nay thuộc xã Hòa Tân Đông.” [Nguyễn Đình Chúc, *sđd*, tr.429].

¹¹⁵ Nay là thôn Phước Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

¹¹⁶ *Đông Khánh địa dư chí* có chép: phường Hương Giang, thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tuy Hòa, đạo Phú Yên.

*Vịnh Trích Lịch đổi thành thôn Vịnh Hòa*¹¹⁸

*Thôn Vạn Giã đổi thành thôn Tiên Châu*¹¹⁹

*Thôn Mái Nhà đổi thành thôn Phú Ốc*¹²⁰

3. Một số nhận xét về lần thay đổi địa danh ở vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú trong sử liệu *Minh Mạng tấu nghị*

3.1. Đặc điểm thay đổi địa danh ở vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú qua bản tấu

Xem xét danh mục các địa danh được thay đổi ở vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú trên đây, có thể thấy một số đặc điểm nổi bật trong cách thay đổi:

(1) Về cấp bậc đơn vị hành chính được đổi: ngoại trừ 1 địa danh cấp *thuộc*¹²¹ được đổi tên (thuộc Liêm Hộ → thuộc Kim Hộ), 6 địa danh cấp *vạn, sông* được đổi thành *phường*, 1 địa danh cấp *giáp* đổi thành *xã*; khác với các phủ, dinh, trấn phía bắc, tất cả các địa danh được đổi của vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú thuộc cấp *xã* và dưới *xã* gồm: *thôn, phường, ấp, châu, trại, tộc, vạn*; không có đơn vị *tổng* nào được đổi. Các chữ ở đầu các tên làng *xã* như *Tứ chiếng, Phụ lũy, Phụ...* đều bị lược bỏ và ghép để rút ngắn các địa danh quá dài như các trường hợp: *Sông Phú Giang* → *phường Phú Giang*; *Vạn Nồi Rang* → *phường Nhơn Chung*; *Thôn Tứ chiếng Bàu Nhơn* → *thôn Nhơn Trạch*; *Thôn Sơn Cước Kỳ Tấu Thanh Lãng Yên Hội* → *thôn Yên Hội ...*

Riêng với các trường hợp địa danh trùng nhau hoặc gần giống nhau (khác nhau về cấp huyện, thuộc, tổng, xã...) thì địa danh thay mới cũng được chọn đặt khác nhau như trường hợp: *Thôn Cây Mít* (huyện Lễ Dương) → *thôn La Mật*; *Thôn Tứ Chiếng Cây Mít* (thuộc Hội Sơn Nguyên) → *thôn Hương Sào*; *Thôn Phụ Đồng Tràm* (huyện Lễ Dương) → *thôn Thanh Lam*; *Xã Cây Tràm* (huyện Hòa Vang) → *xã Lam Viên, ...*

(2) Cũng giống như các địa danh ở phía bắc được đổi, phù hợp với lý do thay đổi được nêu ra trong bản tấu, chiếm số lượng lớn các địa danh được cải đổi của vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú là các tên *Nôm*, âm đọc chất phác, thiếu sự tao nhã. Trong đó,

¹¹⁷ Nay là thôn Từ Nham, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

¹¹⁸ Nay là thôn Vịnh Hòa, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

¹¹⁹ Nay là thôn Tiên Châu, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. “Thời phong kiến thôn Tiên Châu là làng lớn nhất trong 4 làng thuộc tỉnh Phú Yên, lại là cửa biển của vùng vịnh Xuân Đài, cửa ngõ quan trọng nhất của tỉnh Phú Yên trong những năm cuối thế kỷ 19. (...) Thôn có ba xóm: xóm cuối phía đông là bến cá, dân đánh bắt giã cào, xóm chợ làm nghề muối mắm, buôn bán làm hồ tôm cũng có số hộ nghề nông. Xóm trên cùng làm nông nghiệp, một số ít làm hồ tôm”. [Nguyễn Đình Chúc, *Địa danh Phú Yên*, sđd, tr.274-175]. Đồng Khánh địa dư chí chép thôn Ngân Sơn, Tiên Châu thuộc tổng Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, đạo Phú Yên.

¹²⁰ Nay là thôn Phú Ốc, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Đồng Khánh địa dư chí có chép: Thôn Phú Ốc thuộc tổng Xuân Sơn, huyện Tuy Hòa, đạo Phú Yên.

¹²¹ Thuộc là một đơn vị hành chính mới được đặt ra dưới thời Chúa Nguyễn ở Đàng Trong, tương đương cấp tổng, quản hạt các châu, phường, thôn, xã, trại... nằm ở miền núi, vùng ven sông biển mới được khai phá, khai khẩn. Bên cạnh đó, nó cũng chỉ các xã thôn chuyên về một hoạt động kinh tế nhất định như thuộc Hoa Châu chuyên nghề nông tang, thuộc Liêm Hộ (Kim Hộ) chuyên đãi vàng, thuộc Hà Bạc chuyên nghề đánh bắt cá, thuộc Chu Tượng chuyên đóng thuyền, ...

chiếm số lượng nhiều nhất (2/3 số lượng địa danh được đổi của vùng) là các địa danh chỉ đối tượng tự nhiên gồm các dạng địa hình như sông suối, núi non, bến bãi, cồn bãi, vũng vịnh, cửa, gành... và liên quan đến thực vật như đồng, cây, tre,... Đối với các địa danh này, cách đổi là lược bỏ các danh từ chung, chuyển đổi thành các tên chữ Hán Việt có nghĩa tương ứng, có âm gần gũi hoặc đổi dùng các mỹ tự thay thế. Ví dụ số địa danh cũ bắt đầu bằng chữ “Bàu” (18 địa danh), “Cây” (18 địa danh), “Đồng” (14 địa danh), “Bến” (8), “Sông” (8), “Suối” (6) hoặc có chứa các chữ “Hà”, “Bãi”, “Vịnh”, “Cửa”, “Vạn”, “Ngòi”, “Nà”... (15 địa danh) hoặc bắt đầu bằng chữ Non, Cồn, Đá,... (10 địa danh) được thay đổi như sau: *Bàu Thạch* → *Thạch Khê*, *Đồng Bạc* → *Ngân Điền*, *Bàu Tre* → *Trúc Bào*, *Cây Sơn* → *Tát Viên*, *Vạn Giã* → *Tiên Châu*, *Hà Tre* → *Trúc Hà*, *Bến Cỏ* → *Phương Tân*, *Tắm Bãi* → *Dục Thúy*, *Đá Ngang* → *Thạch Bích*,...

(3) Các địa danh được thay đổi do có các chữ “Bà”, “Ông” cũng chiếm số lượng lớn (12 địa danh). Chúng đều bị lược bỏ các chữ này và đổi dùng mỹ tự thay thế như: *Bà Cắt* → *Tài Thành*; *Thôn Tây châu Bà Mã* → *Thôn Mã Châu Tây*; *Ông Bối* → *Phái Nhon*; *Gành Bà* → *Từ Nham*... Ngoài ra, các địa danh khác cũng được thay đổi để thành “gia danh” như: *Ma Ninh* → *Vĩnh Ninh*; *Cù La* → *Cù Bàn*; *Hàm Rông* → *Long Châu*; *Mái Nhà* → *Phú Ốc*; *Bạc Má* → *Ngân Sơn*; *Vạn Chài* → *Mỹ Tài*, *Cù Lao Ré* → *Lý Sơn*, *Cà Dong* → *Mậu Cà*, *Ô Kha* → *Tân Mỹ* ... Trong đó, có một số địa danh mang dấu ấn ngôn ngữ, đời sống tín ngưỡng của cư dân sống trên vùng đất đương thời.

Trong quá trình nghiên cứu địa danh của mỗi vùng đất, ngoài chữ tự húc là một “chìa khóa” thì việc nắm bắt được các quy cách thay đổi địa danh như trên có ý nghĩa quan trọng khi chúng ta muốn tìm lại nguồn gốc/ý nghĩa ban đầu của các địa danh khác có kết cấu tương tự trên địa bàn các tỉnh miền Trung nói riêng và cả nước nói chung.

Bên cạnh đó, qua đối chiếu nhiều nguồn sử liệu cho thấy lớp địa danh làng xã được thay đổi trong bản tấu nghị này đã ra đời khá sớm và trải qua thời gian nhiều thế kỉ tồn tại cho đến trước thế kỉ XIX. Lớp địa danh làng xã thuần Nôm này là lớp tên gọi làng xã do tiền dân của vùng đất Nam - Ngãi - Bình - Phú đặt ra đầu tiên, mang tính trực quan cao, phản ánh quá trình khai khẩn lập làng, các hoạt động kinh tế của họ ở các địa bàn sinh tụ khác nhau, từ vùng đồi núi đến đồng bằng, vùng ven sông ven biển, đảo. Chúng không chỉ tái hiện một cách sinh động bức tranh tự nhiên đương thời mà còn là dấu ấn văn hóa, nhất là tín ngưỡng dân gian, ngôn ngữ quen thuộc, gần gũi, gắn liền với cộng đồng cư dân sinh sống ở vùng đất này. Gần một nửa số địa danh tập trung

ở các *thuộc* và 2/3 số lượng địa danh được đổi của vùng chỉ đối tượng tự nhiên đã chứng minh điều đó. Vì vậy, không chỉ giúp tìm lại nguồn gốc/ý nghĩa ban đầu của các địa danh, nắm bắt đặc điểm thay đổi địa danh làng xã như trên cũng giúp phục dựng bức tranh tự nhiên, lịch sử làng xã, đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa phong phú của cư dân từng vùng đất, từng làng xã.

3.2. Giá trị của bản tấu đổi tên làng đối với việc nghiên cứu địa danh các tỉnh miền Trung

(1) Là một văn bản Hán - Nôm hiếm gặp, có ý nghĩa quan trọng vì bổ khuyết được phần nào khoảng trống sử liệu trong nghiên cứu địa danh

Dải đất miền Trung từ đèo Hải Vân đến đèo Cả (địa phận bao gồm thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên nay) với đặc trưng là nơi cư trú của nhiều tộc người, địa bàn giao thoa của nhiều nền văn hóa, trong lịch sử là một vùng đất có nhiều biến thiên về danh xưng, diên cách địa lý, nhất là lớp địa danh làng xã. Những lần thay đổi địa danh lớn ở vùng đất này được chép lại ngắn gọn dưới hình thức biên niên trong các bộ sử chính thống như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Nam thực lục* (tiền biên và chính biên), ... hoặc cụ thể hơn, các quyển sử chí địa phương như *Ô Châu cận lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Đại Nam nhất thống chí* (bản thời Tự Đức và thời Duy Tân)... đều có chép sơ lược sự biến thiên diên cách địa lý, gián tiếp nhắc đến hoặc chép lại có hệ thống địa danh hành chính đương thời.

Đáng tiếc là, các nguồn sử liệu vốn ít ỏi này cũng không chép lại đầy đủ, cụ thể thời gian, lý do, các địa danh được thay đổi cụ thể hay nói rõ các văn bản thể hiện quyết nghị/mệnh lệnh của triều đình trung ương khiến việc nghiên cứu nguồn gốc địa danh, quá trình thay đổi địa danh qua các thời kì của vùng đất này gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, nguồn tài liệu hầu như còn nằm tản mác trong các trung tâm lưu trữ, các viện nghiên cứu, tài liệu thu thập qua điền dã... chưa được sưu tập đầy đủ. Đó là các lý do giải thích vì sao cho đến nay ở miền Trung chưa có các nghiên cứu được biên soạn công phu về địa danh so với hai đầu đất nước, chưa có một bộ sách chuyên khảo lớn nào về địa danh của dải đất miền Trung. Bản tấu về thay đổi địa danh trong *Minh Mạng tấu nghị* là một văn bản hiếm gặp, có ý nghĩa quan trọng vì bổ khuyết được phần nào khoảng trống sử liệu cho công việc biên soạn một bộ sách như vậy.

(2) Là sử liệu thành văn quan trọng giúp xác định tên Nôm, tên Hán - Việt (tên chữ) và thời điểm ra đời tên chữ của nhiều làng xã

Như từ đầu đã liệt kê, các địa phương có địa danh được thay đổi nhiều tập trung ở các tỉnh miền Trung hiện nay. Riêng, trong tương quan so sánh, vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú là có tất cả 145 địa danh được đổi, chiếm hơn 1/4 tổng số 525 địa danh của cả nước được đổi lần này. Với một quyết nghị mang tính quan phương, thời gian và nội dung chỉ rõ lý do thay đổi, các địa danh được thay đổi, thời gian thay đổi khiến bản tấu này là văn bản giúp xác định được tên Nôm, tên Hán - Việt (tên chữ) và thời điểm ra đời tên chữ của nhiều làng xã trên cả nước nói chung và các tỉnh miền Trung nói riêng.

Giống như mỗi người đều có tên cúng cơm và tên ghi trên giấy khai sinh, hầu như làng Việt nào cũng có hai cái tên: tên Nôm và tên Hán - Việt (tên chữ). Tên làng xã ở dải đất miền Trung cũng mang đặc điểm chung như vậy. Điều đáng tiếc là, trải qua hàng thế kỉ với thêm bao nhiêu lần cải đặt, ngày nay, chỉ có các bậc cao niên hoặc nhớ được cả tên Nôm và tên chữ của làng, hoặc chỉ nhớ tên Nôm, thường kể lại, nhắc nhớ về những cái tên do tiền nhân để lại. Cũng có trường hợp chỉ nhớ man máng thậm chí không nhớ hoặc không giải thích được, giải thích không chính xác ý nghĩa tên chữ của làng. Trong lúc đó, lớp trẻ hầu như bàng quan, hoặc không có khả năng truy tìm lại cội nguồn sâu xa của tên làng để tiếp tục công việc truyền lại cho thế hệ sau.

Vì vậy, nhờ bản tấu này, lớp trẻ sống trên vùng đất Nam - Ngãi - Bình - Phú có thể biết được những cái tên “nôm na” quen thuộc như Bàu Đán, Bàu Tre (Trước), Bàu Nghi; Ba Chinh, Bàu Ấu, Hàm Rồng, Nồi Rang, Bến Ván, Đá Ngang, Chợ Quán, Bà Bồi, Bà Mã, Bãi Ổ, Cây Duối, Sông Tiên, Bàu Toán, Bãi Ngao, Bến Cỏ, Cây Sơn, Cây Mít, Hà Tre; Cù Lao Ré, Bàu Án, Cây Quýt, Đồng Gạo; Đá Bàn, Sông Rộng; Mái Nhà, Vạn Giã, Gành Bà ... và các tên làng như Xuân Đán, Trúc Bào, An Nghĩa (thuộc TP Đà Nẵng nay); Hữu Trinh, Phương Trì, Long Châu, Nhon Chung, An Tân, Thạch Bích, An Quán, Nhon Bồi, Mã Châu, Phụng Châu, Kim Đới, Tiên Giang, Hạc Toán, Ngao Tân, Phương Tân, Tất Viên, La Mật, Trúc Hà (thuộc tỉnh Quảng Nam nay); Lý Sơn, Ngọc Án, Quýt Lâm, Mễ Sơn (thuộc tỉnh Quảng Ngãi nay); Thạch Bàn, Thanh Giang (thuộc tỉnh Bình Định nay); Phú Ốc, Tiên Châu, Từ Nham (thuộc tỉnh Phú Yên nay)... tương ứng chính là tên chữ cổ xưa của các làng ấy. Và quan trọng hơn, nhờ bản tấu, chúng tôi biết được thời điểm ra đời tên chữ của làng là năm 1824.

(3) Là sử liệu đánh dấu bước chuyển căn bản trong hệ thống địa danh làng xã

Vùng đất phía Nam đèo Hải Vân đến Đèo Cả chính thức được sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt từ sau công cuộc bình Chiêm của vua Lê Thánh Tông. Theo bước chân mở

cõi và các làn sóng di dân “Nam tiến”, làng xã Việt ra đời trên dải đất này ngày càng nhiều. Trong khoảng thế kỷ XVI -XVIII , ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn, qua sử liệu *Ô châu cận lục, Phủ biên tạp lục*, chúng ta thấy địa danh làng xã của Đàng Trong được tăng lên rất nhiều về số lượng. Tuy vậy, hệ thống địa danh làng xã còn chưa được sắp đặt quy cũ, thống nhất; tên Nôm còn rất nhiều, các đơn vị hành chính còn hết sức phức tạp ... Phải đến thế kỷ XIX, sau chủ trương cho lập địa bạ trên phạm vi cả nước của hoàng đế Gia Long, và trước cuộc cải cách hành chính lớn của vua Minh Mạng (1831-1832) khiến cho hệ thống địa danh làng xã được thống nhất, quy cũ; bản tấu nghị thay đổi địa danh trên cả nước ra đời vào năm Minh Mạng thứ 5 (1824) đã trở thành một mốc đánh dấu bước chuyển căn bản của hệ thống địa danh của nhiều vùng đất trong đó có vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú.

Với tính chất quan phương của bản tấu trong *Minh Mạng tấu nghị*, cùng với các phủ dinh trấn trên cả nước, ở đầu thế kỉ XIX, các tên Nôm, ý bất nhã trong hệ thống địa danh làng xã vùng Nam - Ngãi - Bình - Phú được đổi dùng tên chữ - các nhã xưng, tên Hán - Việt. Theo thông kê cho thấy, số lượng địa danh mới ra đời từ bản tấu nghị này có trong *Đồng Khánh địa dư chí* chiếm khoảng 80%. Trong thế kỉ XX, do sự biến thiên của hoàn cảnh lịch sử quy định, địa danh của vùng đất này trải qua thêm nhiều lần thay đổi nữa. Hiện nay, lớp địa danh mới chính thức ra đời vào năm 1824 trong bản tấu nghị, được lưu giữ qua *Đồng Khánh địa dư chí* đã có một “đời sống mới” khi một phần trong số chúng trở thành tên gọi của các “làng văn hóa”, “thôn văn hóa”, ...

(4) *Câu chuyện loại bỏ các yếu tố Nôm thời vua Minh Mạng qua bản tấu và vấn đề đặt ra đối với việc định danh đơn vị hành chính hiện tại*

Câu chuyện loại bỏ các yếu tố Nôm trong địa danh làng xã Quảng Nam nói riêng và cả nước nói chung bằng một bản tấu dưới triều Minh Mạng là điều đáng phải suy gẫm. Phải chăng ở một mức độ nhất định, nó thể hiện/phản ánh ý chí của chính quyền phong kiến trung ương mà đứng đầu là vua Minh Mạng - một ông vua tôn sùng văn hóa Hán, thượng tôn Nho giáo - trong việc với tay tới, nắm lấy hệ thống làng xã ở địa phương? Qua lớp địa danh được thay mới, không thể phủ nhận rằng phần lớn trong số chúng được chọn đặt, chuyên dùng mỹ tự Hán - Việt rất xác hợp với tên làng cũ, bảo lưu được ở đó phần nào ý nghĩa ban đầu của tên đất, tên làng. Song, vì bất chấp lớp địa danh cũ đã tồn tại lâu đời và lớp địa danh được thay mới trở nên lạ lẫm với phần đông dân làng, có thể nói, quyết nghị thay đổi địa danh này đã loại bỏ cái gọi là “hồn vía

làng mạc” vốn “trăm tích” trong tên làng, trên văn bản và một phần trên thực tế. Và có lẽ điều mà triều đình trung ương không thể ngờ tới, dù có quyết nghị thay đổi và thực tế một số địa danh thay mới đã được lưu truyền nhưng những tên gọi xưa cũ vẫn có sức sống mãnh liệt trong dân gian, như các nhà nghiên cứu địa danh học gọi là tính bền vững của địa danh. Qua điền dã nhiều địa phương, chúng tôi biết được, trải qua hàng thế kỉ với thêm bao nhiêu lần cải đặt, dân gian vẫn gọi tên làng xưa, vẫn kể lại câu chuyện về những tên Nôm do tiền nhân để lại mà chỉ nhớ man mác thậm chí không nhớ hoặc không giải thích được ý nghĩa tên chữ của làng mình.

Từ câu chuyện của quá khứ này, thiết nghĩ, nhiều vấn đề có liên quan đến việc lựa chọn đặt tên cho làng mới, thôn mới, khối phố mới, nhất là khi tiến hành tách, nhập các đơn vị hành chính cơ sở hiện nay cần được quan tâm đúng mức và phải hết sức cẩn trọng. Điều đáng trân trọng nhất là việc không tham chiếu các yếu tố/ giá trị văn hóa làng xã dẫn đến những thay đổi một cách cứng nhắc, không phù hợp trong hệ thống địa danh cấp cơ sở hiện nay, dẫn đến việc phá vỡ dần các mối quan hệ làng xóm truyền thống vốn có từ xa xưa.

Ký ức càng lùi xa càng mơ hồ. Vì vậy, nguồn sử liệu thành văn ghi chép lại tên làng và việc đổi tên làng đối với mỗi vùng đất có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Lớp địa danh làng xã cũ trong bản tấu trên qua thời gian đã trở thành địa danh cổ của mỗi vùng đất. Chúng là ký ức xa xưa của vùng đất này, là sợi dây kết nối tâm thức của các thế hệ, mỗi một con người với nguồn cội, xứ sở. Bản tấu trong *Minh Mạng tấu nghị* đã là sử liệu quan trọng giúp biết, hiểu và giữ gìn mạch nguồn tâm thức đó. Nó cũng đặt ra vấn đề là, làm thế nào để việc thay đổi địa danh hiện tại đảm bảo tính kế thừa khi giữ lại/ hàm chứa trong đó yếu tố gọi là ký ức thiêng liêng của vùng đất ấy./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] *Minh Mệnh tấu nghị*/明命奏議, Văn bản Hán - Nôm chép tay lưu trữ lại viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, ký hiệu VHv.96/1.

[2] Huỳnh Công Bá, (1996), *Công cuộc khai khẩn và phát triển làng xã ở Bắc Quảng Nam từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Hà Nội.

[3] Nguyễn Đình Chúc, (2014), *Địa danh Phú Yên*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[4] Nguyễn Đình Đầu, (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Dinh Quảng Nam I, II*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

[5] Lê Thị Mai, (2017), “Lần thay đổi địa danh làng xã năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) - Trường hợp dinh Quảng Nam”, *Tạp chí Khoa học - Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, số 3 (112).2017, tr.61-65.

[6] Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, (2012), *Địa danh làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[7] Ngô Đức Thọ, (2003), Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, *Đồng Khánh địa dư chí*, Tập 1, Nxb Thế giới, Hà Nội.

[8] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2004), *Đại Nam thực lục*, chính biên, đệ nhị kỷ - quyển xxxv, Tủ Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.